

Điểm chuẩn trường Đại Học Công Nghệ Đông Á năm 2018

Trường Đại học Công nghệ Đông Á là Trường Đại học đa hệ, đa ngành, với 03 hệ đào tạo Cao đẳng, Đại học và Sau Đại học. Với mục tiêu trở thành một trong những trường đại học hàng đầu của Việt Nam và trong khu vực, Trường đại học Công nghệ Đông Á đã quy tụ được một đội ngũ đông đảo cán bộ giảng dạy có uy tín trong ngành và tiến tới việc đào tạo sinh viên cả ở trong và ngoài nước, cũng như cấp bằng Quốc tế cho một số chuyên ngành.

- Cơ sở Hà Nội:

Tòa nhà Polycy Group

Đường Trần Hữu Dực, Nam Từ Liêm, Hà Nội

SĐT:0246.262.7796

- Cơ sở Bắc Ninh:

Trường Đại Học Công Nghệ Đông Á, Làng Đại Học,

Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh

SĐT:0246.262.7796

Điểm chuẩn Đại Học Công Nghệ Đông Á chi tiết các ngành năm 2018:

BẤM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-cong-nghe-dong-a>

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Chi tiết điểm chuẩn năm 2017:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn
1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, C00,D01	15.5
2	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, C00,D01	15.5
3	7340301	Kế toán	A00, A01, C00,D01	15.5
4	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, A02, D01	15.5
5	7510202	Công nghệ chế tạo máy	A00, A01, A02, D01	15.5
6	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	A00, A01, A02, D01	15.5
7	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00, A01, A02, D01	15.5
8	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00, A01, A02, D01	15.5
9	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00, A01, A02, B00	15.5
10	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00, A01, A02, D01	15.5

Xem thêm điểm chuẩn năm 2016:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7340101	Quản trị kinh doanh	15	Xét tuyển theo học bạ THPT. Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 là 6.0
2	7340201	Tài chính – Ngân hàng	15	
3	7340301	Kế toán	15	
4	7480201	Công nghệ thông tin	15	
5	7510202	Công nghệ chế tạo máy	15	
6	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	15	
7	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	15	
8	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	15	
9	7540101	Công nghệ thực phẩm	15	
10	7580201	Kỹ thuật xây dựng	15	

Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành năm học 2018 - 2019 như sau:

TT	Ngành học	Mã	Chỉ tiêu (dự kiến)		Mã tổ hợp môn xét tuyển
			Theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác	
1	Quản trị kinh doanh	7340101	150	60	A00,A01,C00,D01
2	Tài chính – Ngân hàng	7340201	80	50	A00,A01,C00,D01
3	Kế toán	7340301	150	60	A00,A01,C00,D01
4	Công nghệ thông tin	7480201	100	30	A00,A01,A02,D01
5	Công nghệ chế tạo máy	7510202	45	30	A00,A01,A02,D01
6	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	45	30	A00,A01,A02,D01
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	45	30	A00,A01,A02,D01
8	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	45	30	A00,A01,A02,D01
9	Công nghệ thực phẩm	7540101	45	30	A00,A01,A02,B00
10	Kỹ thuật xây dựng	7580201	45	30	A00,A01,A02,D01